

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2021/KDTM-ST

Ngày: 27/5/2021;

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến;

Ông Bùi Đăng Lý;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh tH mại thụ lý số: 119/2020/KDTM-TLST ngày 30 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (Ngân hàng MB);

Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Trung Hà – Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội (*theo Văn bản ủy quyền số 437/UQ-MB-HS ngày - 02/6/2015*).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Tiến Dũng – Cán bộ Ngân hàng TMCP Quân đội (*theo văn bản ủy quyền số 3683/UQ-MB-HS ngày 24/7/2020*). Có mặt

2. Bị đơn: Công ty CP Quốc Tế E (Công ty E);

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty CP Tập đoàn G (Công ty G);

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kiều N, sinh năm 1976; vắng mặt

- Ông Nguyễn H, sinh năm 1976; vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 29, phường Nghĩa Đô, quận C, thành phố H.

- Bà Bùi Thị Lan H, sinh năm 1979; vắng mặt

- Ông Đỗ Hữu Ng, sinh năm 1976; vắng mặt

Cùng trú tại: 801-N9, T, phường Y, quận C, thành phố H.

Ông H, bà N, ông Ng có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Mai Tiến Dũng – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Quân Đội (nay gọi tắt là Ngân hàng MB) và Công ty CP Quốc Tế E (nay gọi tắt là công ty E) đã ký kết các Hợp đồng cho vay số 11054.17. 058.33467.TD ngày 11/8/2017, Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 37.14.058.33467.TD ngày 12/8/2014 và Hợp đồng cấp tín dụng số 11047.17.058.33467.TD ngày 28/6/2017 với số tiền đã giải ngân là 168.345.363.095 VNĐ; cụ thể như sau:

STT	Số hợp đồng tín dụng	Số khế ước	Số tiền giải ngân	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn
1	11054.17.058.33467.TD ngày 11/8/2017	PDLĐ1724808245	53.854.809.577	05/9/2017	06/9/2027
2	37.14.058.33467.TD ngày 12/8/2014	PDLĐ1423900451	2.157.072.400	27/8/2014	12/8/2019
3		PDLĐ1425500032	3.231.900.000	12/9/2014	12/8/2019
4		PDLĐ1422400481	3.110.784.845	12/8/2014	12/8/2019
5	11047.17.058.33467.TD ngày 28/6/2017	PDLĐ1719227931	45.000.000.000	11/7/2017	11/4/2018
6		PDLĐ1722078048	1.127.381.664	08/8/2017	08/5/2018
7		PDLĐ1722108960	1.506.000.843	09/8/2017	09/5/2018
8		PDLĐ1726800311	1.037.216.468	25/9/2017	25/6/2018
9		PDLĐ1727034762	1.427.777.100	27/9/2017	27/6/2018
10		PDLĐ1727150004	354.048.383	28/9/2017	28/6/2018
11		PDLĐ1734201580	883.665.487	08/12/2017	08/9/2018
12		PDLĐ1809306187	535.622.220	03/4/2018	03/1/2019
13		PDLĐ1809390781	264.274.531	03/4/2018	03/01/201

				9
TỔNG			168.345.363.095	

Tài sản bảo đảm:

STT	TSDB	Thông tin
1	Hàng tồn kho của E	- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 116728.17.058.33467.BĐ ngày 28/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1254077283 ngày 30/6/2017
2	Máy móc thiết bị của E	- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 17661.17.058.33467.BĐ ngày 31/8/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1260786963 ngày 31/8/2017
3	Hệ thống gió mát nhà xưởng của công ty cổ phần XNK Đông Dương (nay là Công ty E)	- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 79.14.058.33467.BĐ ngày 11/8/2014; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1163566864 ngày 11/8/2014
4	Quyền sở hữu trí tuệ của công ty CP tập đoàn G	- Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu trí tuệ số 17.17.058.245836.DB ngày 19/5/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 13200446 ngày 23/5/2017
5		- Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu trí tuệ số 26.17.058.33467.DB ngày 28/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 13276804 ngày 07/7/2017
6	Cổ phần	- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 10.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249302012 ngày 18/5/2017 Là cổ phần đứng tên ông Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G
7		- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 11.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249302562 ngày 18/5/2017 Là cổ phiếu của ông Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G
8		- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 12.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249302348 ngày 18/5/2017 Là cổ phần của bà Trần Thị Kiều N tại công ty cổ phần tập đoàn

		G
9		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 13.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249303247 ngày 18/5/2017 <p>Là cổ phần của Công ty Cổ phần tập đoàn G</p>
10		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 18.17.058.245836.DB ngày 22/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249675378 ngày 23/5/2017 <p>Là cổ phần của bà Bùi Thị Lan H tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
11		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 23.17.058.33467.BD ngày 10/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1253832042 ngày 28/6/2017 <p>Là cổ phần của ông Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
12		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 24.17.058.33467.BD ngày 10/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1253834952 ngày 28/6/2017 <p>Là cổ phần của bà Trần Thị Kiều N tại công ty cổ phần quốc tế E</p>
13		<p>Hợp đồng thế chấp cổ phần số 20.058.33467.BĐ ngày 03/4/2020</p> <p>Là cổ phần của ông Nguyễn H và bà Trần Thị Kiều N tại Công ty CP TH mại và Dịch vụ Lan Vinh</p>
14		<p>Hợp đồng thế chấp cổ phần số 20.058.33467.BĐ ngày 03/4/2020</p> <p>Là cổ phần của ông H và bà N tại Công ty CP Khai thác và chế biến Lâm khoáng sản Hoàng Phát</p>

Về lãi suất: Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng Công ty E đã trả được tổng số tiền là: 77.593.507.639 đồng; trong đó: gốc là 73.109.688.890 đồng và lãi là 4.483.818.749 đồng. Ngày 15/01/2014 Công ty E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng MB.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng MB khởi kiện yêu cầu Công ty E thực hiện nghĩa vụ trả nợ như sau:

1. Buộc Công ty E trả Ngân hàng MB số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến hết ngày 26/5/2021 là:

Nợ gốc: 41.380.864.628 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 16.712.233.050 đồng;
Nợ lãi quá hạn: 14.537.399.168 đồng;
Tổng: 72.630.496.846 đồng;

Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ sáu trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng.

2. Buộc Công ty E phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp Công ty E không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề Ng Quý Tòa tuyên Ngân hàng MB được quyền tự phát mại hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại toàn bộ tài sản mà Công ty E và bên thứ ba đã thế chấp cho Ngân hàng MB để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ Công ty E phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Án phí: Đề Ng Tòa án buộc Công ty E phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh tH mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Yêu cầu Công ty E thanh toán trả Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng chi phí tố tụng.

****Đại diện bị đơn – ông Nguyễn H trình bày tại bản tự khai ngày 21/12/2020:***

Từ năm 2014 đến năm 2017, do có nhu cầu vay vốn, công ty cổ phần quốc tế E (sau đây gọi tắt là Công ty E) đã ký kết nhiều hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với ngân hàng TMCP quân đội (gọi tắt là Ngân hàng MB) để vay vốn với tổng số tiền là: 168.345.363.095 VNĐ. Trong quá trình vay vốn, Công ty E đã trả được một phần gốc và lãi nhưng do kinh doanh gặp khó khăn nên không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nay Công ty E xác nhận còn nợ Ngân hàng MB số tiền như ngân hàng thông báo và tại thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty E và bên thứ ba có thế chấp các tài sản cho Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Các hợp đồng thế chấp này đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Hiện tại các tài sản này vẫn thuộc quản lý, sử dụng hợp pháp của Công ty E và các chủ tài sản.

Nay Công ty E đồng ý thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng MB toàn bộ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

Nếu trong trường hợp Công ty E không trả được nợ thì Công ty đồng ý đề Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu khi phát mại tài sản mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng. Công ty cam kết tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí, chi phí tố tụng: Công ty đồng ý chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng theo yêu cầu của Ngân hàng.

***Tại bản tự khai ngày 21/12/2020 người đại diện theo pháp luật của Công ty G (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) - ông Nguyễn H trình bày:**

Năm 2017, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty E, công ty G ký kết các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng MB như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu trí tuệ số 17.17.058.245836.DB ngày 19/5/2017; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 13200446 ngày 23/5/2017;
- Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu trí tuệ số 26.17.058.33467 DB ngày 28/6/2017; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 13276804 ngày 07/7/2017;
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 13.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; Phụ lục ngày 22/6/2017; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249303247 ngày 18/5/2017;

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Công ty G đồng ý phát mại tài sản.

***Tại bản tự khai ngày 21/12/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H và bà Trần Thị Kiều N trình bày:**

Năm 2017, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty E, vợ chồng tôi đã ký kết các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng MB như sau:

- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 10.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; Phụ lục ngày 22/6/2017. Là cổ phần đứng tên tôi –Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 11.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; Là cổ phiếu của tôi – Nguyễn H tại công ty cổ phần đầu tư dệt may G.
- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 12.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; Phụ lục ngày 22/6/2017; Là cổ phần của bà Trần Thị Kiều N tại công ty cổ phần tập đoàn G.
- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 23.17.058.33467.BD ngày 10/6/2017; Là cổ phần của tôi – Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G.
- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 24.17.058.33467.BD ngày 10/6/2017; Là cổ phần của bà Trần Thị Kiều N tại công ty cổ phần quốc tế E.
- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 20.058.33467.BĐ ngày 03/4/2020; Là cổ phần của vợ chồng tôi Nguyễn H và bà Trần Thị Kiều N tại Công ty CP TH mại và Dịch vụ Lan Vinh.
- Hợp đồng thế chấp cổ phần số 20.058.33467.BĐ ngày 03/4/2020; Là cổ phần của vợ chồng tôi tại Công ty CP Khai thác và chế biến Lâm khoáng sản Hoàng Phát.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, chúng tôi đồng ý phát mại tài sản.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu Ng trình bày:**

Năm 2017, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty E, vợ tôi là bà Bùi Thị Lan H đã ký kết các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng MB như sau: Hợp đồng thế chấp cổ phần số 18.17.058.245836.DB ngày 22/5/2017; Phụ lục ngày 22/6/2017; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249675378 ngày 23/5/2017. Là cổ phần đứng tên vợ tôi tại công ty cổ phần tập đoàn G.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, tôi đồng ý phát mại tài sản.

Bà Bùi Thị Lan H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cũng không tham gia tố tụng đối với vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì giữa Ngân hàng MB với Công ty E có giao kết Hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng MB có cho Công ty E vay số tiền gốc là 168.345.363.095đ (Một trăm sáu mươi tám tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ. Nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty E trả nợ là có căn cứ.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản do Ngân hàng cung cấp thì Công ty E và bên thứ ba đã thế chấp tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty E; việc thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty E không trả nợ.

Áp dụng các Điều 299, 319, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Đề Ng HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng TMCP Quân đội khởi kiện yêu cầu Công ty E trả nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện Công ty E đang đặt trụ sở tại xã T, huyện T. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có trụ sở tại huyện T. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bà Bùi Thị Lan H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại KH quan nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] *Về nội dung*: Ngân hàng TMCP Quân đội yêu cầu Công ty E trả nợ số tiền (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tạm tính đến ngày **26/5/2021** là: 72.630.496.846 đồng; Yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty E không trả nợ.

Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố.

[3] *Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi phát sinh*:

Quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo pháp luật của bị đơn thừa nhận có vay tiền Ngân hàng TMCP Quân đội, cụ thể như sau:

nhận có vay tiền Ngân hàng PVCC - Quân đội, và các nhà sá.					
STT	Số hợp đồng tín dụng	Số khế ước	Số tiền giải ngân	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn
1	11054.17.058.33 467.TD ngày 11/8/2017	PDL1724808245	53.854.809.577	05/9/2017	06/9/2027
2	37.14.058.33467 .TD ngày 12/8/2014	PDL1423900451	2.157.072.400	27/8/2014	12/8/2019
3		PDL1425500032	3.231.900.000	12/9/2014	12/8/2019
4		PDL1422400481	3.110.784.845	12/8/2014	12/8/2019
5	11047.17.058.33 467.TD ngày 28/6/2017	PDL1719227931	45.000.000.000	11/7/2017	11/4/2018
6		PDL1722078048	1.127.381.664	08/8/2017	08/5/2018
7		PDL1722108960	1.506.000.843	09/8/2017	09/5/2018
8		PDL1726800311	1.037.216.468	25/9/2017	25/6/2018
9		PDL1727034762	1.427.777.100	27/9/2017	27/6/2018
10		PDL1727150004	354.048.383	28/9/2017	28/6/2018
11		PDL1734201580	883.665.487	08/12/2017	08/9/2018
12		PDL1809306187	535.622.220	03/4/2018	03/1/2019
13		PDL1809390781	264.274.531	03/4/2018	03/01/2019
TỔNG			168.345.363.095		

Về nội dung thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và ngày bên vay nhận số tiền vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không trả đủ nợ gốc và lãi). Vì vậy, ngân hàng MB khởi kiện yêu cầu Công ty E trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo bảng tính lãi do phía Nguyên đơn cung cấp thì tính đến hết ngày 26/5/2021 Công ty E còn nợ Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền là: 72.630.496.846 đồng; trong đó: Nợ gốc 41.380.864.628 đồng; nợ lãi trong hạn 16.712.233.050 đồng; nợ lãi quá hạn 14.537.399.168 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do vậy, buộc Công ty E trả Ngân hàng MB số tiền trên là có căn cứ.

Công ty E tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 27/5/2021 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố tài sản do Nguyên đơn cung cấp đều có chữ ký của chủ tài sản và bên thế chấp, nội dung thỏa thuận phù hợp Điều 117, 119, 310, 319, 398, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và chủ tài sản thừa nhận có thể chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty E với Ngân hàng MB và không ai có ý kiến gì về các Hợp đồng thế chấp. Tại các Hợp đồng thế chấp tài sản đều có đầy đủ chữ ký của bên thế chấp và bên nhận thế chấp. Hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H.

Như vậy, các bên tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký giao dịch bảo đảm, Tại Điều 5 của các Hợp đồng thế chấp tài sản các bên thỏa thuận là Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên vay. Nay Công ty E vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng MB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng pháp luật, được Tòa án chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Công ty E phải chịu án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm là 180.630.500 đồng; Ngân hàng TMCP Quân đội không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng MB yêu cầu Công ty E phải chịu phí tố tụng số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Nay Công ty E tự nguyện chịu chi phí tố tụng và đồng ý hoàn trả Ngân hàng MB 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chi phí tố tụng nên ghi nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 117, 119, 280, 299, 301, 310, 319, 320, 398, 401 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ : Điều 30, 35, 39, 95; Điều 146; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ng định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Điều 26 Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TH mại cổ phần Quân đội. Buộc Công ty E trả Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay số 11054.17. 058.33467.TD ngày 11/8/2017, Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 37.14.058.33467.TD ngày 12/8/2014 và Hợp đồng cấp tín dụng số 11047.17.058.33467.TD ngày 28/6/2017 tính đến hết ngày 26/5/2021 là:

Nợ gốc:	41.380.864.628 đồng;
Nợ lãi trong hạn:	16.712.233.050 đồng;
Nợ lãi quá hạn:	14.537.399.168 đồng;
Tổng:	72.630.496.846 đồng;

Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ sáu trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật Công ty E không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

STT	TSĐB	Thông tin
1	Hàng tồn kho của E	- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 116728.17.058.33467.BĐ ngày 28/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1254077283 ngày 30/6/2017
2	Máy móc thiết bị của E	- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 17661.17.058.33467.BĐ ngày 31/8/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1260786963 ngày 31/8/2017 Gồm: <ul style="list-style-type: none">- Máy trần một kim- 6 Máy đánh bông- 2 Dây chuyền sản xuất gói

		<ul style="list-style-type: none"> - Giá đỡ vật tư - Kệ để hàng - Bàn kiểm hàng - Băng chuyền may nội bộ - 2 Dây chuyền đan lò xo - Máy đan lò xo - Máy cạp viên lò xo - 4 Máy may công nghiệp dùng để trần chăn - Máy vắt sổ tự động - Mát đánh suốt chỉ - 2 Lò hơi điện - 2 Máy ép chân không - Máy cuốn vải - Dây chuyền sản xuất đệm, chăn gối - 2 Máy cuốn vải - Hệ thống thông gió, làm mát nhà xưởng - Máy sản xuất chăn - Máy chân ruột - Máy trần thêu điện tử - 4 Máy đánh tời hạt bông - Lò đốt lò xo - Máy cắt đệm - Dây chuyền là sấy chăn - Máy 2 kim điện tử - Máy cắt vòng - Máy thừa khuy - 2 Máy trộn bông - Máy viên đệm - Máy san chỉ - Máy chải sợi, tách lớp - Máy tạo khuôn - Máy chứa tách xơ dạng phễu - Máy đập trộn xơ - Máy sấy công nghiệp - Máy làm lạnh - Máy cắt bông đệm - Máy đánh bông tự động - Máy chần chăn bông tự động - Dây chuyền sản xuất bông hạt - 2 Máy đóng gói tự động - Máy thổi bông - Dây chuyền đánh bông - Dây chuyền sản xuất bông - Dây chuyền thổi bông - Hệ thống nồi hơi đốt than
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Máy dò kim loại - Máy ép mex - Dây chuyền trần chắn.
3	Hệ thống gió mát nhà xưởng của công ty cổ phần XNK Đông Dương (nay là Công ty E)	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 79.14.058.33467.DB ngày 11/8/2014; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1163566864 ngày 11/8/2014
4	Quyền sở hữu trí tuệ của công ty CP tập đoàn G	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu trí tuệ số 17.17.058.245836.DB ngày 19/5/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 13200446 ngày 23/5/2017
5		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu trí tuệ số 26.17.058.23467.DB ngày 28/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 13276804 ngày 07/7/2017
6	Cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 10.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249302012 ngày 18/5/2017 <p>Là cổ phần đứng tên ông Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
7		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 11.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249302562 ngày 18/5/2017 <p>Là cổ phiếu của ông Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
8		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 12.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249302348 ngày 18/5/2017 <p>Là cổ phần của bà Trần Thị Kiều N tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
9		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 13.17.058.245836.DB ngày 13/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249303247 ngày 18/5/2017 <p>Là cổ phần của Công ty Cổ phần tập đoàn G</p>
10		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 18.17.058.245836.DB ngày 22/5/2017; - Phụ lục ngày 22/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1249675378 ngày 23/5/2017 <p>Là cổ phần của bà Bùi Thị Lan H tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
11		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 23.17.058.33467.BD ngày 10/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1253832042 ngày 28/6/2017 <p>Là cổ phần của ông Nguyễn H tại công ty cổ phần tập đoàn G</p>
12		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp cổ phần số 24.17.058.33467.BD ngày

		10/6/2017; - Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 1253834952 ngày 28/6/2017 Là cổ phần của bà Trần Thị Kiều N tại công ty cổ phần quốc tế E
13		Hợp đồng thế chấp cổ phần số 20.058.33467.BĐ ngày 03/4/2020 Là cổ phần của ông Nguyễn H và bà Trần Thị Kiều N tại Công ty CP TH mại và Dịch vụ Lan Vinh
14		Hợp đồng thế chấp cổ phần số 20.058.33467.BĐ ngày 03/4/2020 Là cổ phần của ông H và bà N tại Công ty CP Khai thác và chế biến Lâm khoáng sản Hoàng Phát

Trường hợp toàn bộ khối tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội thì Công ty E tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Công ty E còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/5/2021 trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 11054.17. 058.33467.TD ngày 11/8/2017, Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 37.14.058.33467.TD ngày 12/8/2014 và Hợp đồng cấp tín dụng số 11047.17.058.33467.TD ngày 28/6/2017 cho đến khi trả hết nợ.

4. Về án phí: Công ty E phải chịu án phí Kinh doanh tH mại sơ thẩm là 180.630.500 đồng (một trăm tám mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng TMCP Quân đội không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quân đội đã nộp tạm ứng án phí là 106.226.000đ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Theo biên lai thu số AA/2016/0011719 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

5. Về chi phí tố tụng: Công ty E có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng MB số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chi phí tố tụng.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS - VPTA.

Nguyễn Thị Thu Thủy

